



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2026
Số: 06/TB-DVKTB

THÔNG BÁO

TRIỂN KHAI DỊCH VỤ TRẺ EM DƯỚI 02 TUỔI MUA GHẾ TRÊN CHUYẾN BAY (INFANT WITH SEAT)

Căn cứ công văn số 72/TCTHK-DVHK ngày 26/01/2026, Vietnam Airlines Chi nhánh Việt Nam triển khai đến Quý Đại lý/Công ty dịch vụ Infant with seat (INST). Chi tiết như sau:

1. Nguyên tắc và phạm vi áp dụng:

- Dịch vụ Infant with Seat (INST) là dịch vụ dành cho trẻ em dưới 02 tuổi mua chỗ trên chuyến bay, được bố trí ngồi ghế riêng và sử dụng ghế an toàn dành cho trẻ em (car seat), không ngồi lòng người lớn đi cùng.
- Đối tượng áp dụng: Trẻ em từ 7 ngày tuổi đến dưới 02 tuổi (INF) theo quy định của Quy định phục vụ hành khách.
- Hạng dịch vụ áp dụng: Hạng Phổ thông và Phổ thông đặc biệt.
- Chỗ ngồi: INST được bố trí ngồi ghế riêng đặt ghế an toàn với kích thước phù hợp từng loại tàu bay (chi tiết kích thước ghế tại Phụ lục 3 kèm theo).
- Khách **ưu tiên** chọn/mua trước các vị trí ghế **cạnh cửa sổ cho INST và ghế bên cạnh cho người lớn; không** chọn các vị trí các hàng ghế ở **cửa thoát hiểm**, các hàng ghế ngay trước hoặc ngay sau hàng thoát hiểm, do các vị trí này có thể cản trở việc thoát hiểm trong trường hợp khẩn cấp; **không** chọn ghế **cạnh lối đi**, vì có thể làm giảm khả năng thoát hiểm của các hành khách khác cũng như không an toàn cho trẻ trong quá trình phục vụ khách trên tàu bay.
- Ghế an toàn (car seat):
 - + Do hành khách tự chuẩn bị và được vận chuyển miễn phí.
 - + Phải có nhãn chứng nhận hợp lệ của các nhà chức trách có thẩm quyền như FAA (Hoa Kỳ), ECE (Châu Âu), FMVSS hoặc tương đương
 - + Phù hợp với độ tuổi, trọng lượng của trẻ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.
 - + Chi tiết yêu cầu về ghế an toàn tại Phụ lục 2 kèm theo.
 - + Hành khách tự lắp đặt; tiếp viên phối hợp kiểm tra và xác nhận ghế được lắp chắc chắn, không gây cản trở lối đi của hành khách khác.

2. Hướng dẫn đặt chỗ

- Áp dụng trên chuyến bay do VNA Group (VN/BL/0V) khai thác.
- Hạng dịch vụ áp dụng: Hạng Phổ thông và Phổ thông đặc biệt.
- Đăng ký dịch vụ INST tối thiểu 24 giờ trước giờ khởi hành. Đại lý gửi bộ phận trợ giúp của VNA để xác nhận dịch vụ.
- Khách trẻ em INST phải được đặt chỗ cùng hồ sơ đặt chỗ (PNR) của khách người lớn đi cùng với hạng đặt chỗ tương đương với khách người lớn.
- Hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 1.

3. Hướng dẫn tính giá xuất vé

- Áp dụng mức giá cho trẻ em từ 02 đến dưới 12 tuổi (CHD) và tiêu chuẩn hành lý tương ứng mức giá áp dụng.



- Thuế/phí/phụ thu:
 - + Tính giá tự động: Áp dụng kết quả của hệ thống.
 - + Tính giá thủ công: Áp dụng các khoản thuế/phí/lệ phí/phụ thu cho khách CHD. Hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 1.

4. Xử lý vé do thay đổi tự nguyện: Áp dụng điều kiện giá vé theo quy định hiện hành.

5. Xử lý bất thường

- Trong trường hợp car seat không đạt tiêu chuẩn, việc đảm bảo an toàn cho INF là ưu tiên hàng đầu nên khách INF sẽ được phục vụ như quy trình thông thường (ngồi cùng với người lớn đi cùng). Vé không được hoàn.
- Trường hợp khách không sử dụng được dịch vụ INST do lỗi của VNA (ví dụ: do thay đổi tàu bay nên car seat của khách không vừa với ghế tàu, ...) và không sử dụng chỗ cho INS, khách sẽ được hoàn chênh lệch giữa giá/thuế/phí đã trả và giá/thuế/phí của INFT thông thường cho chặng bay bị ảnh hưởng. Đại diện nơi phục vụ (sân bay, tiếp viên) sẽ xác nhận khách không sử dụng được dịch vụ để khách/đại lý liên hệ các phòng vé VNA để chi hoàn chênh lệch.

6. Hiệu lực: Xuất vé từ ngày 01/02/2026 trên các chuyến bay do VNA Group khai thác từ 01/2/2026

7. Tài liệu gửi kèm:

- Phụ lục 1: Hướng dẫn đặt chỗ, xuất vé
- Phụ lục 2: Các loại ghế an toàn cho trẻ được chấp nhận
- Phụ lục 3: Kích thước lòng ghế trên máy bay.

Quý đại lý/Công ty cập nhật thông tin, thực hiện và thông báo đến khách hàng./.
Trân trọng cảm ơn.

Vietnam Airlines – Chi nhánh Việt Nam



PHỤ LỤC 1 HƯỚNG DẪN ĐẶT CHỖ - TÍNH GIÁ XUẤT VÉ CHO DỊCH VỤ TRẺ EM DƯỚI 2 TUỔI NGỒI GHẾ RIÊNG (INST)

1. Đặt chỗ

– Bước 1: Đặt chỗ

- + Đặt đủ số chỗ cho trẻ em INST và người lớn đi cùng trong cùng một PNR, cùng hạng đặt chỗ.
- + Cập nhật cập nhật tên của trẻ em INST với mã Passenger type code là INS cùng ngày tháng năm sinh và tước hiệu, trong đó:
 - MISS : Tước hiệu bé gái
 - MSTR: Tước hiệu bé trai

Ví dụ:

➤ NM1LE/HANH MRS 1LE/NAM MSTR(INS/10MAY25)

Sau khi kết thúc, thông tin sẽ hiển thị trong PNR như sau:

```
1.LE/HANH MRS 2.LE/NAM MSTR(INS/10MAY25)
3 VN 205 M 15JAN 4 HANSGN HK2 0500 0710 15JAN E VN
```

– Bước 2: Nhập SSR INST và OSI bằng câu lệnh như ví dụ sau:

➤ SR INST VN-LE/NAM MSTR 10MAY25/P2/S3

Trong đó:

- SR : Mã lệnh
- INST: Mã dịch vụ Infant with seat
- VN: Hãng vận chuyển
- LE/NAM MSTR 10MAY25: Tên/tước hiệu của trẻ em dưới 2 tuổi ngồi ghế riêng và ngày tháng năm sinh của trẻ
- P2/S3: Số thứ tự của trẻ em và chặng bay trong PNR

➤ OS VN CAR SEAT **W40 X L42.5** X 2 POINTS FORWARD FACING X CAA CERTIFICATE/P1

Trong đó:

- OS VN CAR SEAT: Mã lệnh bắt buộc
- W40 X L42.5: Kích thước 2 chiều của car seat lần lượt là chiều rộng, chiều dài (chiều sâu).
- 2 POINTS: Loại ghế có dây đai 2 điểm.
- FORWARD FACING: Loại ghế hướng xuôi.
- CAA CERTIFICATE: Cơ quan chứng nhận (Phụ lục 2)

Sau khi kết thúc, thông tin sẽ hiển thị trong PNR như sau:

```
1.LE/HANH MRS 2.LE/NAM MSTR(INS/10MAY25)
3 VN 205 M 15JAN 4 HANSGN HK2 0500 0710 15JAN E VN
5 TK OK07JAN/HANVN05IN
6 SSR INST VN HN1 LE/NAM MSTR 10MAY25/S3/P2
7 OSI VN CAR SEAT L54.5 X W58 X 2 POINTS FORWARD FACING
X CAA CERTIFICATE
```



Đại lý liên hệ Bộ phận trợ giúp (Helpdesk) nếu tình trạng dịch vụ chưa được xác nhận (HK/KK).

- Đối với PNR trên hệ thống khác: Sử dụng lệnh tương ứng trên hệ thống đặt chỗ để thông tin yêu cầu dịch vụ SSR INST hiển thị như ví dụ trên.
- Đo kích thước ghế: Đo điểm rộng/sâu nhất của mỗi chiều



2. Tính giá xuất vé thủ công (Đại lý làm lệnh tính giá tự động trước, nếu không thành công mới làm bước thủ công này)

- **Bước 1:** Tính giá cho INST theo giá CHD.

➢ FXP/RCH,UP/P2

Trong đó:

- FXP/RCH,UP: Mã lệnh
- P2: Số thứ tự của khách INST trong PNR
- Hoặc FXP/R,UP/P1//RCH,UP/P2 để tính giá cùng một lúc khách người lớn đi kèm ở số thứ tự 1 và khách INST ở số thứ tự 2.

Sau khi kết thúc, thông tin TST của khách INST sẽ hiển thị như sau:

> FXP/R,UP/P1//RCH,UP,25JAN26/P2

	PASSENGER	PTC	NP	FARE<VND>	TAX/FEE	PER PSGR
01	LE/HANH *	ADT	1	2869000	799000	3668000
02	LE/NAM M*	CH	1	2583000	716500	3299500
		TOTALS	2	5452000	1515500	6967500



> TQT

T	P/S	NAME	TOTAL	FOP	SEGMENTS
1	.1	LE/HANH MRS	VND	3668000	3
2	.2	LE/NAM MSTR	VND	3299500	3

DELETED TST RECORDS MAY EXIST - PLEASE USE TTH

> TQT/T2

```
TST00002      VN/28JAN F N LD 05FEB26 2359  OD HANSGN
T-
FXP/R,UP/P1//RCH,UP/P2
  2.LE/NAM MSTR (INS/10MAY25)
  1  HAN VN  211 M 05FEB 1200  OK MVNF  CH10  1PC
    SGN
FARE  F VND    2583000
TX001 X VND    450000-YRVB TX002 X VND    49500-AXDP TX003 X VND
10000-C4SE
TX004 X VND    207000-UETI
TOTAL  VND    3299500
GRAND TOTAL VND    3299500
HAN VN SGN2582100VND2582100END
```

- **Bước 2:** Ô Fare Basis: sửa thông tin Ticket Designator “CH” thành “IN” (sửa CH thành IN, giữ nguyên phần trăm giảm giá)

➤ TTK/T2/B MVNF IN10

Trong đó:

- TTK: Mã lệnh
- T2: Số thứ tự của TST của khách INST
- B: Mã lệnh bắt buộc
- MVNF là loại giá (fare basis) tương ứng hạng đặt chỗ vừa tính được.
- IN10: Ticket designator của khách INST (giữa MVNF và IN10 có khoảng trắng)

- **Bước 3:** Kết thúc, lưu PNR và chuyển sang TAP để xuất vé.





PHỤ LỤC 2 YÊU CẦU VỀ GHẾ AN TOÀN CHO TRẺ EM (CAR SEAT)

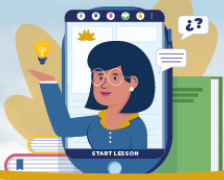
1. Tiêu chuẩn ghế:

- Ghế an toàn (Car seat) được phê chuẩn theo tiêu chuẩn của một số nhà chức trách như tiêu chuẩn của Mỹ, Châu Âu, Úc, Canada, Anh, New Zealand... Thông tin, dấu hiệu ghế được phê chuẩn tham khảo tại Mục 2.
- Kích thước Car seat phù hợp đặt được trên ghế của VN. Kích thước ghế của VN (Phụ lục 3) được công bố trên website tại đường dẫn: <https://www.vietnamairlines.com/vn/vi/buy-tickets/other-products/special-services/infants-children>
- Trọng lượng của trẻ phù hợp với trọng lượng theo tiêu chuẩn của Car seat.

2. Chứng nhận phê chuẩn được chấp nhận:

- Ghế an toàn cho trẻ em phải được cơ quan đủ thẩm quyền về an toàn hàng không phê chuẩn và đáp ứng các tiêu chuẩn của Chính phủ bao gồm:

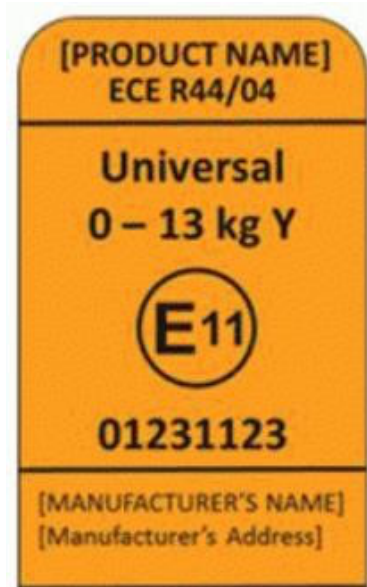
<p>Cơ quan Hàng không Dân dụng Vương quốc Anh (CAA)</p>	
<p>Cục Hàng không Liên bang Hoa Kỳ (FAA)</p>	<p>This restraint system conforms to all applicable Federal Motor Vehicle Safety Standards. This Restraint is certified for Use in Motor Vehicles and Aircraft.</p>
<p>Tiêu chuẩn An toàn Phương tiện Cơ giới Canada (CMVSS) số 213 – “Hệ thống ghế an toàn cho trẻ em”</p>	



Tiêu chuẩn thiết kế Úc/New Zealand AS/NZS 1754 dành cho ghế an toàn trẻ em



Ủy ban Kinh tế Liên Hợp Quốc khu vực Châu Âu (ECE)



➤ [PRODUCT NAME]

Là tên sản phẩm hoặc tên dòng ghế do nhà sản xuất đặt nhằm mục đích nhận diện model. Thông tin này không ảnh hưởng đến việc ghế có được chấp nhận sử dụng hay không.

➤ ECE R44/04

ECE: Quy chuẩn do Ủy ban Kinh tế Châu Âu (UN ECE) ban hành.

R44: Quy định số 44 về ghế an toàn cho trẻ em.

/04: Phiên bản mới nhất và hợp lệ của tiêu chuẩn R44. Ghế có nhãn ECE R44/04 được chấp nhận sử dụng khi đáp ứng các điều kiện khai thác khác.

➤ Universal

Thẻ hiện ghế có thể lắp đặt trên hầu hết các loại ghế tiêu chuẩn.

Khi sử dụng trên máy bay, ghế có thể lắp bằng

dây an toàn 2 điểm (lap belt) nếu kích thước phù hợp.

➤ 0 – 13 kg

Là nhóm cân nặng trẻ em được phép sử dụng ghế, tương ứng với trẻ sơ sinh đến khoảng 12–18 tháng tuổi, phù hợp với dịch vụ Infant with Seat (INS).



	<ul style="list-style-type: none">➤ Y Ký hiệu kỹ thuật cho biết ghế có dây đai an toàn riêng cho trẻ, đảm bảo trẻ được cố định độc lập.➤ E11 Là mã quốc gia cấp chứng nhận ECE: E11: Vương quốc Anh. Các mã E kèm số khác (E1, E4, E8...) đều là các quốc gia thành viên cấp chứng nhận hợp lệ.➤ 01231123 Là số phê duyệt/chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp, dùng để truy xuất hồ sơ kiểm định.➤ [MANUFACTURER'S NAME] Tên nhà sản xuất ghế.➤ [MANUFACTURER'S ADDRESS] Địa chỉ nhà sản xuất ghế.
--	--

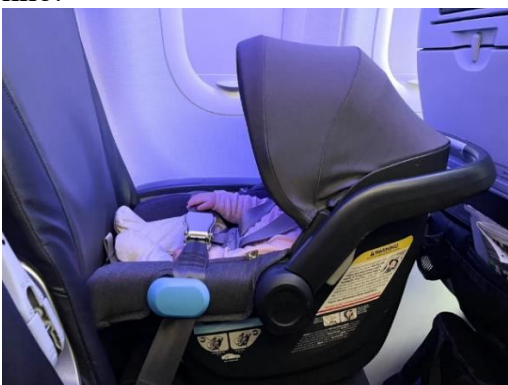
3. Yêu cầu về hướng ghế và dây an toàn

Ghế an toàn cho trẻ em thường có 2 loại, ghế hướng xuôi và hướng ghế ngược.

- Hướng ghế xuôi (Forward – Facing Car seat): Trẻ ngồi ghế quay về trước theo hướng chuyển động, thường dùng cho trẻ lớn hơn.



- Hướng ghế ngược (Rare – Facing Car seat): Trẻ quay lưng về hướng trước, mặt quay về phía sau. Với loại ghế này, bảo vệ đầu, cổ, cột sống tốt hơn, thường dùng cho trẻ nhỏ.





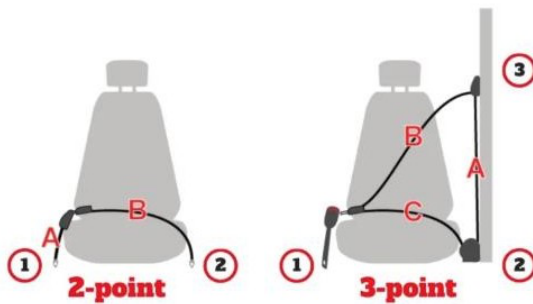
- Ghế an toàn cho trẻ em hướng xuôi hoặc ngược chiều bay và được cố định vào ghế hành khách bằng dây an toàn máy bay (dây đai bụng hoặc dây đai 2 điểm).

4. Các loại ghế không được chấp nhận:

- Ghế an toàn phải cố định bằng dây đai 3 điểm: không được sử dụng do các nguyên nhân sau:
 - + Ghế hành khách trên máy bay chỉ có dây đai 2 điểm (lap belt).
 - + Không có điểm neo vai, nên không thể cố định ghế đúng thiết kế kỹ thuật và không đáp ứng tiêu chuẩn an toàn hàng không.
- Ghế không được FAA/EASA/CAA phê chuẩn cho sử dụng trên tàu bay.



#VehicleParts
SEAT BELTS



- Ghế nâng (booster seat). Bản chất ghế nâng booster seat chỉ là ghế hỗ trợ nâng trẻ ngồi cao lên để vừa với dây an toàn, vẫn dùng dây an toàn qua người và ai. Các loại ghế nâng này không phù hợp và không được phê chuẩn trong vận chuyển bằng đường hàng không.
- Ghế an toàn cho trẻ có kích thước vượt quá kích thước lòng ghế của máy bay

5. Không gian và lối đi:

- Ghế an toàn cho trẻ em không được nhô ra quá so với ghế hành khách.
- Một người lớn phải có thể đi qua khi ghế ở hàng phía trước được dựng thẳng.
- Ghế an toàn không được chắn lối đi; lối đi phải luôn thông thoáng trong suốt quá trình lăn bánh, cất cánh và hạ cánh.



PHỤ LỤC 3

KÍCH THƯỚC GHẾ CÁC LOẠI TÀU BAY

LOẠI TÀU BAY	KÍCH THƯỚC LÒNG TRONG GHẾ HẠNG PHỔ THÔNG ĐẶC BIỆT (Chiều rộng x Chiều dài/sâu)	KÍCH THƯỚC LÒNG TRONG GHẾ HẠNG PHỔ THÔNG (Chiều rộng x Chiều dài/sâu)
B787	Quốc tế: 18.4 x 17in (46.7 x 43cm) Nội địa: 16.7 x 17in (42.4 x 43cm)	16.7 x 17in (42.4 x 43cm)
A350	Quốc tế: 18.4 x 17in (46.7 x 43cm) Nội địa: 16.7 x 17in (42.4 x 43cm)	16.7 x 17in (42.4 x 43cm)
A321	16.3 x 17in (41.4 x 43cm)	16.3 x 17in (41.4 x 43cm)
A320 NEO	17.5 x 17in (44.45 x 43cm)	17.5 x 17in (44.45 x 43cm)
ATR7	16.9 x 17in (42.9 x 43cm)	16.9 x 17in (42.9 x 43cm)

Lưu ý:

- Với tàu B787 và A350 chỉ khai thác hai khoang, kích thước ghế hạng PE bằng kích thước ghế hạng phổ thông.

oOo